

Bản án số: **360/2020/HNGĐ-PT**

Ngày: 19 - 05 - 2020

V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 605/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1919/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Phước H1, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: xã K, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Lê Phước H1 trình bày:

Ông Lê Phước H1 và bà Nguyễn Thị H2 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2012 tại UBND phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/03/2012.

Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà H2 thường đi sớm về khuya, không quan tâm chăm sóc gia đình và hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên càng đi sớm về khuya nhiều hơn, không tôn trọng bố mẹ hai bên. Ông H1 có khuyên giải nhưng không kết quả, từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, mạnh ai người đó sống, ông H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H2.

Về con chung: ông và bà H2 có 01 người con chung tên là Lê Trọng H3 (nam) sinh ngày 12/11/2012, hiện do bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ông H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra, ông H1 có nợ của Ngân hàng TNHH MTV X Việt Nam - chi nhánh S số tiền 44.000.000 đồng, đây là nợ riêng của ông H1, không phải nợ chung của vợ chồng.

Theo bị đơn là bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà thống nhất lời khai của ông H1 về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như trên là đúng. Ngược lại, theo bà H2 mâu thuẫn gia đình xảy ra là do ông H1 sống thiếu trách nhiệm với gia đình, ông H1 cho rằng bà hay ghen tuông vô cớ nhưng sự thật ông H1 mới là người ghen tuông vô cớ, lại thường đi sớm về khuya và còn có quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ bê vợ con, bà H2 nhiều lần góp ý nhưng ông H1 không sửa đổi mà còn bỏ vợ con về nhà bố mẹ ruột sinh sống để mặc bà lo cho con chung.

Bà không đồng ý ly hôn với ông H1 vì bà còn thương ông và muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con.

Con chung hiện bà đang nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, trước đó bà có yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nhưng sau đó không yêu cầu nữa.

Khoản nợ 44.000.000 đồng của Ngân hàng TNHH MTV X Việt Nam - chi nhánh S bà thống nhất là nợ riêng của ông H1, không phải nợ chung của vợ chồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 605/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Về hôn nhân: cho ông Lê Phước H1 được ly hôn bà Nguyễn Thị H2.
- Về con chung: giao con chung là trẻ Lê Trọng H3 sinh ngày 12/11/2012 cho bà H2 tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con 2 bên tự thỏa thuận.
- Về tài sản chung: hai bên thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: ông H1 bà H2 xác định không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn, quyền kháng cáo và quy định về thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người kháng cáo, đồng thời là bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị H2 trình bày: bà làm kế toán tại trường học nhưng có đi làm thêm bên ngoài để phụ thêm tiền lo cho gia đình nên có khi đi làm về tối, ông H1 nói bà đi sớm về khuya có ý ghen tuông là không có căn cứ, đồng thời cung cấp chứng cứ chứng minh là “giấy xác nhận thời gian làm việc thêm” có nội dung công ty TNHH MTV khách sạn A Palace xác nhận bà Nguyễn Thị H2 có làm việc thêm tại khách sạn A từ ngày 01/10/2018 đến 25/04/2019 nên thường xuyên ra vào tại đây. Bà không muốn ly hôn vì còn thương ông H1, trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con 9.000.000 đồng/tháng.

- Nguyên đơn là ông Lê Phước H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà H2 và chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, về tài sản chung và nợ chung xác định không có.

Sau khi nghe hội đồng xét xử phân tích, động viên, hòa giải, ông H1 và bà H2 đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

+ Về quan hệ vợ chồng: ông Lê Phước H1 và bà Nguyễn Thị H2 thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: thỏa thuận giao con chung là trẻ Lê Trọng H3 (nam) sinh ngày 12/11/2012 cho mẹ là bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H1 cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực đến khi con chung tròn 18 tuổi. Việc thăm nom con sau khi ly hôn thực hiện theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: ông H1 và bà H2 xác định không có.

+ Về nợ chung: ông H1 và bà H2 xác định không có.

Khoản nợ 44.000.000 đồng của Ngân hàng TNHH MTV X Việt Nam - chi nhánh S là nợ riêng của cá nhân ông H1, không phải nợ chung của vợ chồng, ông H1 tự chịu trách nhiệm trả nợ.

+ Về án phí: ông H1, bà H2 phải chịu theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của bà H2 hợp lệ; Về nội dung kháng cáo: bà H2 kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn, nhưng tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H2 hợp lệ về hình thức, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy: ông H1 và bà H2 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/2012 tại UBND phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/03/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp, nay hai bên thỏa thuận về việc ly hôn, giao con chung cho mẹ nuôi, cha có trách nhiệm cấp dưỡng, xác định lại tài sản chung không có như trên là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với khoản nợ 44.000.000 đồng, căn cứ Công văn số 925/CV-CBSG ngày 01/11/2019 của Ngân hàng TNHH MTV X Việt Nam - chi nhánh S gửi Tòa án nhân dân huyện N thì khoản nợ này là nợ tín chấp của cá nhân ông H1, không phải là nợ chung của ông H1 và bà H2; do đó, ông H1 bà H2 thống nhất xác định đây là nợ riêng của ông H1 là có cơ sở.

Xét thấy bà H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông H1 bà H2 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã nêu trên, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật,

không trái đạo đức xã hội, việc công nhận thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con ông H1 phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là bà H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 300, Điều 306, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H2 về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 605/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phước H1 và bà Nguyễn Thị H2 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Lê Trọng H3 (nam) sinh ngày 12/11/2012 cho mẹ là bà Nguyễn Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Phước H1 cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng ông Lê Phước H1 phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng ông H1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0033983 ngày 10/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Lê Phước H1 phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H2 phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà H2 đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0034755 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND huyện N;
- UBND phường T, Quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương